|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số: 01-ĐK-TCT***(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

*(Dùng cho tổ chức)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| □ Tổ chức kinh tế | □ Tổ chức khác | □ Tổ chức được hoàn thuế | □ Hợp đồng dầu khí | □ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu |

|  |
| --- |
| **1. Tên người nộp thuế:** |
| **2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):** |
| 2a. Tên: |
| 2b. Mã số thuế:  |
| 2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Địa chỉ trụ sở chính** |  | **4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)* |
| 3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn: |  | 4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện: |
| 3b. Phường/Xã/Thị trấn: |  | 4b. Phường/Xã/Thị trấn: |
| 3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: |  | 4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: |
| 3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: |  | 4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: |
| 3đ. Điện thoại: 3e. Fax (nếu có): |  | 4đ. Điện thoại: 4e. Fax (nếu có): |
| 3g. Email: 3h. Website (nếu có): |  | 4g. E-mail: |
|  |  |  |
| **5. Quyết định thành lập** |  | **6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp** |
| 5a. Số quyết định: |  | 6a. Số: |
| 5b. Ngày ký quyết định: *…../…..../…* |  | 6b. Ngày cấp: …./…./….. |
| 5c. Cơ quan ban hành quyết định: |  | 6c. Cơ quan cấp: |

|  |
| --- |
| **7. Ngành nghề kinh doanh chính:** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4)** |  | **9. Ngày bắt đầu hoạt động:** …./…./… |
| 8.1. Vốn nhà nước | Tỷ trọng: % |  |
| 8.2. Vốn nước ngoài: | Tỷ trọng: % |  |
| 8.3. Vốn tư nhân: | Tỷ trọng: % |  |
| 8.4. Vốn khác (nếu có): | Tỷ trọng: % |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **10. Loại hình kinh tế** |  |  |  |
| □ Công ty cổ phần | □ Doanh nghiệp tư nhân | □ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam | □ Tổ hợp tác |
| □ Công ty TNHH 1 thành viên | □ Công ty hợp danh | □ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang | □ Hợp tác xã |
| □ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên | □ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài | □ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN | □ Cơ quan hành chính |
| □ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | □ Đơn vị sự nghiệp công lập | □ Loại hình khác |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh**□ Độc lập □ Phụ thuộc□ Có báo cáo tài chính hợp nhất |  | **12. Năm tài chính** | Từ ngày .../…đến ngày …/… |

|  |  |
| --- | --- |
| **13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có)** | **14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức** |
| 13a. Mã số thuế:13b. Tên đơn vị đơn vị cấp trên: ………….. | 14a. Họ và tên: …………………………………….14b. Chức vụ:………………14c. Sinh ngày: .../.../…14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):....14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài):□ Hộ chiếu □ Giấy thông hành□ CMT biên giới □ KhácSố giấy tờ: ………………………………………..Ngày cấp:……../……/……….Nơi cấp: ……………………………………………..14e. Địa chỉ nơi thường trú:Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:…………………………Phường/Xã/Thị trấn:……………………..Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộcthành phố trực thuộc trung ương:………………Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:…………….Quốc gia:……………………………14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có):Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:…………………………Phường/Xã/Thị trấn:……………………..Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộcthành phố trực thuộc trung ương:………………Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:…………….Quốc gia:……………………………14h. Thông tin khác:Điện thoại: …………………..Email:…………… |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **15. Phương pháp tính thuế GTGT** | □ Khấu trừ | □ Trực tiếp trên GTGT | □ Trực tiếp trên doanh số | □ Không phải nộp thuế GTGT |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **16. Thông tin về các đơn vị liên quan** |  |  |
| □ Có công ty con, công ty thành viên | □ Có đơn vị phụ thuộc | □ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí |
| □ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc | □ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài | □ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí |

|  |
| --- |
| **17. Thông tin khác** |
| ***17.1.* *Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):*** |  | ***17.2.* *Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):*** |
| a. Họ và tên: | a. Họ và tên: |
| b. Mã số thuế cá nhân/số định danh cá nhân: | b. Mã số thuế cá nhân/số định danh cá nhân: |
| c. Ngày tháng năm sinh: | c. Ngày tháng năm sinh: |
| d. Điện thoại liên lạc: | d. Điện thoại liên lạc: |
| đ. Email: | đ. Email: |

|  |
| --- |
| **18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):**□ Chia □ Tách □ Hợp nhất □ Chuyển đơn vị phụ thuộc thành độc lậpMã số thuế trước của tổ chức đó: |

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**Họ và tên: ………………Chứng chỉ hành nghề số…………… | *….., ngày…/…/…..***NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP****PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |